

Bản án số: 84/2018/HSST
Ngày 18 - 10 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Triệu Luật.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

Bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Anh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71.1/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo:

1/Trần Nguyễn Thanh H; sinh năm: 1991 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký HKTT: đường H, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H và bà: Trần Thị E (chết); tiền án: không, tiền sự: 01 (ngày 18/01/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng theo quyết định số 04/QĐ-TA); nhân thân: ngày 30/6/2005 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 9 Quận 10 quyết định xử lý hành chính giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Cướp giật tài sản” theo quyết định số 41/QĐ-UBND, ngày 09/01/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 01/HSST, ngày 30/6/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 102/HSST, ngày 04/8/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng

về hành vi “Sử dụng chất ma túy” theo quyết định số 4349/QĐ-UBND; bị bắt tạm giam ngày: 12/4/2018.

2/Nguyễn Thành L; sinh năm: 1989 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: đường T, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở: /(không có nơi ở nhất định); nghề nghiệp: phụ hồ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Thành S và bà: Hoàng Thị Thanh V; tiền án: 01 (ngày 20/9/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 122/HSST); tiền sự: không; nhân thân: ngày 26/02/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án số 23/HSST, ngày 22/7/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” theo quyết định số 5804/QĐ-UBND; bị bắt tạm giam ngày: 12/4/2018.

(Các bị cáo có mặt).

- *Bị hại:*

Bà Văn Thị Thái T – Sinh năm: 1977 (vắng mặt).
Thường trú: đường K, phường G, Quận B, TP.HCM.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/Ông Huỳnh Quảng D – Sinh năm: 1962 (vắng mặt).
Nơi cư trú cuối cùng: đường H, Phường C, Quận Y, TP.HCM.
2/Ông Huỳnh Ngọc Q – Sinh năm: 1980 (vắng mặt).
Trú tại: đường Q, Phường X, Quận Y, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 ngày 30/12/2017, Trần Nguyễn Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 59T1- 390.99 gặp và rủ Nguyễn Thành L đi cướp giật tài sản, L đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 45 cùng ngày, H chở L đến trước nhà số 195-197 đường Cao Thắng, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh thì nhìn thấy bà Văn Thị Thái T đang đi bộ qua đường (trên vai đeo chiếc túi xách để trước ngực, bên trong có 01 sổ tiết kiệm; 01 thẻ ngân hàng; 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, một giấy tờ tùy thân và số tiền 17.000.000 đồng); H liền nói L giật chiếc túi xách của bà T, H điều khiển xe mô tô quay lại áp sát trước mặt bà T, còn L ngồi sau dùng tay phải giật chiếc túi xách của bà; giật được tài sản, H tăng ga xe chở L chạy thoát. Đến trước nhà số 222/5 đường Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, L và H lục túi lấy số tiền 17.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Riêng chiếc túi xách bên trong có 01 sổ tiết kiệm và một số thẻ ngân hàng, các giấy tờ tùy thân, thì L vứt ở thùng rác tại vị trí trên.

Bị chiếm đoạt tài sản, bà T đến Công an Phường 12, Quận 10 trình báo. Công an Phường 12, Quận 10 lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 điều tra làm rõ.

Qua truy xét, đến 16 giờ 00 cùng ngày cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã điều tra và phát hiện được Trần Nguyễn Thanh H. Trên cơ sở lời khai của Trần Nguyễn Thanh H, người làm chứng và lời khai ban đầu của bị hại, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã thu hồi chiếc túi xách cùng thẻ ngân hàng, sổ tiết kiệm và các giấy tờ tùy thân trả lại cho bị hại, đồng thời tiến hành thực nghiệm điều tra hành vi của H có sự chứng kiến của người làm chứng; sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 cho gia đình bảo lãnh H để tiếp tục điều tra làm rõ.

Ngày 09/4/2018, Trần Nguyễn Thanh H thực hiện hành vi “Cướp giật tài sản” cùng với Nguyễn Văn C; do vậy ngày 12/4/2018, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã tiến hành bắt tạm giam đối với Trần Nguyễn Thanh H.

Trên cơ sở lời khai cung cấp thông tin đối tượng từ Trần Nguyễn Thanh H, ngày 10/4/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xác minh, phát hiện và quyết định khởi tố điều tra đối với Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L về hành vi “Cướp giật tài sản” như đã nêu trên và sau đó ngày 12/4/2018 tiến hành bắt tạm giam đối với Nguyễn Thành L.

Quá trình điều tra, Trần Nguyễn Thanh H và Nguyễn Thành L đã khai nhận hành vi như trên.

Tài sản bị chiếm đoạt là 01 chiếc túi xách (bên trong có 01 sổ tiết kiệm, 01 thẻ ngân hàng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 sổ giấy tờ tùy thân và số tiền 17.000.000 đồng; cơ quan Công an đã thu hồi chiếc túi xách (bên trong có 01 sổ tiết kiệm, 01 thẻ ngân hàng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 sổ giấy tờ tùy thân và số tiền 3.500.000đ (thu giữ từ H) và giao trả cho bị hại Văn Thị Thái T. Bà T yêu cầu H và L bồi thường số tiền 13.500.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59T1-390.99, qua xác minh chiếc xe trên do ông Huỳnh Quảng D đứng tên giấy đăng ký xe và hiện không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại của ông D để liên hệ làm việc; về phía H khai chiếc xe trên là của ông Huỳnh Ngọc Q, ông Q cho bị cáo mượn đi thu tiền hàng ngày cho ông Q và sau đó thực hiện hành vi Cướp giật tài sản như đã nêu trên; về phía ông Q khai mua chiếc xe trên từ ông Huỳnh Quảng D (với hình thức sang tay, không làm giấy tờ gì), ông Q giao xe cho H đi thu tiền cho ông hằng ngày, việc H sử dụng chiếc xe trên cùng đồng phạm thực hiện hành vi Cướp giật tài sản, ông Q không biết; hiện Công an Quận 10 đã tạm giữ lại.

Ngoài ra, Công an Quận 10 còn thu giữ từ các bị cáo: 01 chiếc quần Jean ống màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen sọc caro, 01 chiếc áo khoát màu đen (là quần áo mặc lúc thực hiện hành vi Cướp giật tài sản).

Tại bản cáo trạng số 62/CT-VKS ngày 18 tháng 9 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành Phố Hồ Chí Minh đã truy tố: Nguyễn Thành

L, Trần Nguyễn Thanh H về tội: “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, bị hại, sau khi nêu lên tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (tái phạm đối với bị cáo L) và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo (thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo Hoàng tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm) và nhân thân của từng bị cáo; đã đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tương ứng đối với từng bị cáo; đề nghị xử phạt các bị cáo: Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: đề nghị Hội đồng xét xử xử lý các vật chứng theo đúng quy định của pháp luật.

- Ý kiến của các bị cáo: không có gì tranh luận.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do các bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ

quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà các bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như trước phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, qua lời khai nhận tội của các bị cáo, đối chiếu với lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng, vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án là phù hợp, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Các bị cáo đã có hành vi thống nhất ý chí hành động dùng thủ đoạn nguy hiểm là sử dụng xe mô tô có phân khối lớn, lợi dụng sự sơ hở của người khác mà nhanh chóng công khai cướp giật tài sản của họ ngay trên đường phố, nên các bị cáo bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009) và thuộc trường quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017); xét thấy tội danh “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) không có những quy định gì có lợi đối với các bị cáo so với quy định Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) và hành vi của bị cáo thực hiện trước 00 giờ 00 ngày 01/01/2018; do vậy bị cáo bị xét xử tương ứng theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009).

[4] Việc áp dụng hình phạt:

Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Trong vụ án này, bị cáo H là người khởi xướng, cung cấp phương tiện, điều khiển xe chở đồng bọn cướp giật và tẩu thoát, còn bị cáo L là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản; ngoài ra các bị cáo còn quá trình nhân thân xấu, cụ thể: đối với bị cáo H: ngày 30/6/2005 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 9 Quận 10 quyết định xử lý hành chính giáo dục tại phường với thời hạn 03 tháng về hành vi “Cướp giật tài sản”, ngày 09/01/2007 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 30/6/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 04/8/2011 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” (tất cả đã được xóa tiền án, tiền sự), ngày 18/01/2016 bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 21 tháng;

đối với bị cáo L: ngày 26/02/2008 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, ngày 22/7/2013 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 10 quyết định xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh với thời hạn 24 tháng về hành vi “Sử dụng chất ma túy” (đã xóa tiền án, tiền sự), ngày 20/9/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Do vậy dù có chiều cố đến đâu đi nữa, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người tốt cho xã hội, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục đối với những người thực hiện hành vi tương tự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tệ nạn tại địa phương; ngoài ra áp dụng khoản 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009), phạt bổ sung từng bị cáo một số tiền, nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: đối với bị cáo L: ngày 20/9/2010 bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 01 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, bị cáo đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý, hành vi này là tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo H tích cực hợp tác với cơ quan điều tra phát hiện tội phạm; vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) tương ứng giảm nhẹ một phần hình phạt cho từng bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

Về trách nhiệm dân sự: tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi lại gồm 01 chiếc túi xách (bên trong có 01 sổ tiết kiệm, 01 thẻ ngân hàng, 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 sổ giấy tờ tùy thân và số tiền 3.500.000đ) và giao trả lại cho bị hại, còn lại số tiền 13.500.000 đồng thì bị hại yêu cầu các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường; xét thấy yêu cầu của bị hại là có cơ sở, vậy Hội đồng xét xử chấp nhận và áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại bà Văn Thị Thái T số tiền 13.500.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59T1-390.99 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Luvias, màu sơn: trắng - xám, dung tích xi lanh: 124, số khung: RLCL44S10CY066778, số máy: 44S1 - 066776); qua xác minh chiếc xe trên do ông Huỳnh Quảng D đứng tên giấy đăng ký xe và hiện không xác định được địa chỉ cư trú hiện tại của ông D để liên hệ làm việc; về phía H khai chiếc xe trên là của ông Huỳnh Ngọc Q, ông Q cho bị cáo mượn đi thu tiền hằng ngày

cho ông Q và sau đó thực hiện hành vi Cướp giật tài sản như đã nêu trên; về phía ông Q khai mua chiếc xe trên từ ông Huỳnh Quảng D (với hình thức sang tay, không làm giấy tờ gì), ông Q giao xe cho H đi thu tiền cho ông hằng ngày, việc H sử dụng chiếc xe trên cùng đồng phạm thực hiện hành vi Cướp giật tài sản, ông Q không biết; nên hiện chưa xác định chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, trong khi chiếc xe trên lại là phương tiện dùng vào việc phạm tội; do vậy giao cho Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành thông báo trong thời hạn nhất định, nếu không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận, thì đề nghị căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 chiếc quần Jean ống màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen sọc caro, 01 chiếc áo khoác màu đen; là quần áo mặc lúc thực hiện hành vi Cướp giật tài sản, không đáng giá trị; vậy căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy.

Về án phí sơ thẩm: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu trách nhiệm án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đối với bản án số 78/2018/HSST ngày 10/10/2018 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Thanh H 03 năm 09 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”, nhưng bản án trên chưa phát sinh hiệu lực pháp luật, nên không tổng hợp hình phạt trong bản án xét xử hành vi tại Quận 10 lần này mà sẽ được tổng hợp hình phạt trong giai đoạn thi hành án khi các bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L phạm tội “Cướp giật tài sản”.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2, 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Nguyễn Thanh H;

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Thanh H 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

Phạt bổ sung bị cáo H 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2, 5 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi bổ sung năm 2009); khoản 1 Điều 53; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Thành L;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2018.

Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000 (mười triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015; buộc các bị cáo Trần Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thành L liên đới bồi thường 13.500.000 đồng (mười ba triệu năm trăm ngàn đồng) cho bà Văn Thị Thái T.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi nợ quá hạn của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017) và Điều 228 Bộ luật Dân sự năm 2015; giao Chi cục thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục thông báo với thời hạn 12 tháng đối với 01 chiếc xe mô tô biển số 59T1-390.99 (loại xe: Hai bánh, nhãn hiệu: Yamaha, số loại: Luvias, màu sơn: trắng - xám, dung tích xi lanh: 124, số khung: RLCL44S10CY066778, số máy: 44S1 - 066776), để chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp (nếu có) đến nhận, trong thời hạn trên kể từ ngày đăng báo mà không có chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp liên hệ nhận thì tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; tịch thu và tiêu hủy: 01 chiếc quần Jean ống màu xanh, 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen sọc caro, 01 chiếc áo khoác màu đen.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/01/2018 giữa Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và Chi cục Thi hành dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc:

- Bị cáo H chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Bị cáo L chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

- Các bị cáo H, L liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 675.000 (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình.

Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo tính từ ngày tuyên án; đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì tính từ ngày được giao hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Công an Q.10;
- PV.06-CA.TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.10;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Triệu Luật